TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/KDTM - ST
Ngày 25 - 9 - 2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Bà Trần Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại phòng xét xử án dân sự Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2017/TLST - KDTM ngày 06 tháng 7 năm 2017, về tranh chấp Hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2017/QĐXXST - KDTM ngày 17 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng N

Địa chỉ: Số B, đường Trần Hữu D, khu đô thị M, quận B, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Quang Đ – Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Bình, theo văn bản uỷ quyền số 510/QĐ – HĐTV – PC ngày 19/6/2014, có mặt.

- *Bị đơn*: Công ty trách nhiệm hữu hạn D

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Kim D - Giám đốc công ty, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Hoàng Kim D, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bà Nguyễn Thị Ph, sinh 1979

Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Hiện đang cư trú tại: Số 12683 Berlin, Marzanh – Hellerdorf BerbachWeg 15 (Cộng hoà liên bang Đức), vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ph: Ông Lê Minh Tâm - Luật sư, Văn phòng luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2017 và các lời kha i tại Toà án , nguyên đơn Ngân hàng N trình bày:

Ngày 20 tháng 6 năm 2014 Công ty trách nhiệm hữu hạn D (sau đây gọi tắt là Công ty D) do ông Hoàn g Kim D – Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty có trụ sở tại tiểu khu A, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình đến Ngân hàng N chi nhánh huyện Q , tỉnh Quảng Bình (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ký kết hợp đồng tín dụng số 3803 – LAV – 201401090 vay số tiền 1.500.000.000 đồng (*một tỷ năm tr ăm triệu đồng*); thời hạn vay 12 tháng; mục đích sử dụng vốn vay : Mua vật liệu sản xuất gạch Block . Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của mình, Công ty D sử dụng tài sản tại các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng số 31H/2012/HĐTC- TS ngày 22/5/2012 đã ký kết giữa Ngân hàng (bên nhận thế chấp) với Công ty D (bên thế chấp). Tài sản thế là 01 xe ô tô con, nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE mang biển kiểm soát 73A – 006.97 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2011.

- Hợp đồng số 32H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012 đã ký kết giữa Ngân hàng (bên nhận thế chấp) với ông Hoàng Kim D , bà Nguyễn Thị Ph (bên thế chấp) và Công ty D (bên vay vốn). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất , sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AC 974430 có diện tích 125,4 m^2, thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 8 tại tiểu khu A thị trấn Q, huyện Q mang tên Nguyễn Thị Ph được Uỷ ban nhân dân huyện Q cấp ngày 04/10/2007, tài sản trên đất có 01 nhà ở rộng 50 m^2.

- Hợp đồng số 33H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012 đã ký kết giữa Ngân hàng (bên nhận thế chấp) với ông Hoàng Kim D , bà Nguyễn T hị Ph (bên thế chấp) và Công ty D (bên vay vốn). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất , sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số BB 056826 có diện tích 132 m^2, thuộc

thửa số 40, tờ bản đồ số 8 tại tiểu khu A thị trấn Q, huyện Q mang tên ông Hoàng Kim D và bà Nguyễn Thị Ph được Uỷ ban nhân dân huyện Q cấp ngày 05/7/2010.

- Hợp đồng số 34H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012 đã ký kết giữa Ngân hàng (bên nhận thế chấp) với ông Hoàng Kim D , bà Nguyễn Thị Ph (bên thế chấp) và Công ty D (bên vay vốn). Tài sản thế chấp gồm quyền sử dụng đất , sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số BB 056362 có diện tích 3000 m^2, thuộc thửa số 194, tờ bản đồ số 7 tại tiểu khu A thị trấn Q, huyện Q mang tên ông Hoàng Kim D được Uỷ ban nhân dân huyện Q cấp ngày 29/11/2010, tài sản trên đất có 01 nhà đỗ bằng với diện tích xây dựng 165 m^2, hàng rào bao quanh dài 200 mét.

Ngày 24/7/2014, Công ty D trả nợ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) và có tờ trình xin rút tài sản thế chấp tại Hợp đồng số 31H/2012/HĐTC- TS ngày 22/5/2012 được Ngân hàng đồng ý , đồng thời giữa Ngân hàng và Công ty D ký kết phụ lục Hợp đ ồng số 01T/2014PLHĐ ngày 24/7/2014 về việc giảm hạn mức tín dụng từ 1.500.000.000 đồng xuống 1.200.000.000 đồng.

Quá trình quan hệ tín dụng Ngân hàng đã chấp thuận để Công ty D kéo dài thời hạn trả nợ gố c và lãi nhưng Công ty D không thực hiện đúng thoả thuận . Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty D thanh toán 1.612.876.875 đồng, trong đó 1.200.000.000 đồng nợ gốc , nợ lãi tr ong hạn 170.088.750 đồng, nợ lãi quá hạn 242.788.125 đồng và lãi phát sinh cho đến lúc Công ty D trả hết nợ . Trường hợp Công ty D không thực hiện trả nợ gố c và lãi cho Ngân hàng thì đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Tại Đơn trình bày của ông Hoàng Kim D - Chủ tịch thành viên, kiêm giám đốc Công ty D thì: Công ty D có lập Hợp đồng số 3803 – LAV – 201401090 với Ngân hàng để vay số tiền 1.500.000.000 đồng với lãi suất 9%. Quá trình thực hiện hợp đồng đã thanh toán được 300.000.000 đồng, số nợ gốc còn lại 1.200.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh chưa trả . Nay Công ty D làm ăn thua lỗ nên không có điều kiện trả nợ cho Ngân hàng, ông Hoàng Kim D xin được tự bán tài sản thế chấp để trả nợ Ngân hàng.

Tại bản tự khai ng ày 07 tháng 7 năm 2017 bà Nguyễn Thị Ph người có quyền và nghĩa vụ liên quan vụ án trình bày : Công ty D do chồ ng bà là ông Hoàng Kim D làm Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm giám đốc công ty, còn bà là thành viên công ty , bà thừa nhận Công ty D có lập Hợp đồng vay Ngân hàng để vay số tiền 1.500.000.000 đồng với lãi suất 9% để vay được số tiền trên vợ chồng bà đã thế chấp cho Ngân hàng một số tài sản . Quá trình thực hiện hợp đồng bà thừa nhận số nợ gốc và lãi như Ngân hàng đã trình bày nhưng do công ty làm ăn

thua lỗ không còn hoạt động nên bà xin tự bán tài sả n đã thế chấp để trả toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

Tại phiên toà người đại diện của Ngân hàng vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và yêu cầu Công ty D phải thanh toán số nợ gốc 1.200.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh đến ngày 25/9/2017 là 451.918.125 đồng (nợ lãi trong hạn là 170.088.750 đồng, nợ lãi quá hạn là 281.829.375 đồng). Trường hợp Công ty D không trả được nợ thì yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp tại các Hợp đồng số 32H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012, số 33H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012 và số 34H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012 đã ký kết giữa Ngân hàng (bên nhận thế chấp) với ông Hoàng Kim D, bà Nguyễn Thị Ph (bên thế chấp) để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa Ông Hoàng Kim D - Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty D và cũng là người có quyền lợi và ngh ĩa vụ liê n quan vụ án thừa nhận hiện nay đang nợ Ngân hàng 1.200.000.000 đồng tiền gốc và nợ lãi phát sinh chưa trả như Ngân hàng yêu cầu tại phiên toà , nhưng ông xin Ngân hàng toàn bộ tiền lãi còn tiền gốc ông đề nghị được tự bán cá c tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng để trả nợ.

Ông Lê Minh T người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vụ án Nguyễn Thị Ph thừa nhận bà Ph cùng ông D đã dùng tài sản chung thế chấp cho N gân hàng để Công ty D vay vốn như nguyên đơn đã trình bày. Hiện nay Công ty D không có khả năng trả nợ gốc và lãi phát sinh nên bà Ph chấp nhận để Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng để buộc Công ty D phải trả số nợ gốc còn lại 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo đơn khởi kiện của Ngân hàng và buộc Công ty tr ách nhiệm hữu hạn D phải chịu án theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngân hàng làm đơn khởi kiện Công ty D nhưng do người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vụ án là bà Nguyễn Thị Ph

đang cư trú tại Công hoà Liên bang Đức , theo điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm c khoản 2 Điều 464 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm qu yền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình . Trong thời gian thụ lý đơn khởi kiện để xem xét quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ph về phép và yêu cầu Toà án giải quyết vụ việc nên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục thông thường.

[2] Ngày 20 tháng 6 năm 2014, Ngân hàng cho Công ty D vay 1.500.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3803 - LAV – 201401090; thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày ký kết hợ p đồng tín dụng ; lãi suất 9% năm; trả lãi theo định kỳ 8 tháng một lần; trả nợ gốc theo đúng thời hạn ghi trên Giấy nhận nợ hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng; trả lãi cùng ngày trả nợ gốc của từng ngày nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất cho vay trong hạn tính trên số nợ gốc của kỳ hạn khách hàng không trả đúng hạn . Tài sản đảm bảo cho vay là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất số 40 mang tên ông Hoàng Kim D và bà Nguyễn Thị Ph, thửa đất số 40^{d} tờ bản đồ số 8 mang tên Nguyễn Thị Ph và thửa đất số 194 tờ bản đồ số 7 mang tên Hoàng Kim D, các thửa đất trên ở tại tiểu khu A, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo Hợp đ ồng thế chấp quyền sử dụng đất số 32H/2012/HĐTC, số 33H/2012/HĐTC và số 34H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012; 01 xe ô tô nhản hiệu CHEVROLET CRUZE mang biển kiểm soát 73A – 006.97 do Công an tỉnh Quảng Bình cấp ngày 14/10/2011 của Công ty D, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 31H/2012/HĐTC- TS ngày 22/5/2012.

[3] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa thì hợp đồng ký kết giữa hai bên được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật dân sự. Sau khi ký kết hợp đ ồng tín dụn g nêu trên , Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty D vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Ngày 24/7/2014, Công ty D trả nợ 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) tiền gốc, sau đó giữa Ngân hàng và Công ty D thoả thuận ký kết phụ lục Hợp đồng số 01T/2014/PLHĐ ngày 24/7/2014 về việc giảm hạn mức tín dụng từ 1.500.000.000 đồng xuống 1.200.000.000 đồng, đồng thời cho Công ty D rút tài sản thế chấp tại Hợp đồng số 31H/2012/HĐTC- TS ngày 22/5/2012. Quá trình thực hiện hợp đồng do Công ty D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (công ty D chưa thanh toán nợ gốc và lãi) nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty D phải thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Tại phiên toà ông Hoàng Kim D - Chủ tịch hội đồng thành viên ki êm Giám đốc Công ty D thừa nhận Công ty D còn nợ Ngân hàng 1.200.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh . Như vậy, việc Ngân hàng yêu cầu C ông ty D phải thanh toán 1.200.000.000 đồng tiền gốc và 451.918.125 đồng tiền lãi tính đến

ngày 25/9/2017 (trong đó nợ lãi trong hạn là 170.088.750 đồng, nợ lãi quá hạn là 281.829.375 đồng) là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Việc Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của ông Hoàng Kim D và bà Nguyễn Thị Ph để thanh toán nợ gốc và nợ lãi của Công ty D thấy: Ngày 26/6/2012, giữa Ngân hàng (bên nhận thế chấp) với ông Hoàng Kim D, bà Nguyễn Thị Ph (bên thế chấp) và Công ty D (bên vay vốn) đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 32H/2012/HĐTC, số 33H/2012/HĐTC và số 34H/2012/HĐTC để bảo đảm vốn vay cho Công ty D tại Hợp đồng số 3803 – LAV – 201200780 ngày 26/6/2012 và phụ lục hợp đồng số 12H/2013/PLHĐ ngày 07/6/2013, hợp đồng thế chấp tài sản được chứng thực và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Q. Ngày 14/6/2013 và ngày 16/6/2014 ông Hoàng Kim D và bà Nguyễn Thị Ph có văn bản cam kết về việc tiếp tục dùng tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất số 32H/2012/HĐTC, số 33H/2012/HĐTC và số 34H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012 để bảo đảm vốn vay cho Công ty D tại các hợp đồng tín dụng tiếp theo. Tại phiên toà ông Hoàng Kim D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị Ph thừa nhận toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo vốn vay theo Hợp đồng số 3803 – LAV – 201200780 ngày 26/6/2012 và phụ lục hợp đồng số 12H/2013/PLHĐ ngày 07/6/2013. Vì vậy, cần tiếp tục duy trì tài sản thế chấp tại các hợp đồng nói trên để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

[6] Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc Công ty D phải chịu 61.557.543 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí đã nộp

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm c khoản 2 Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 93, Điều 280, Điều 281, Điều 282, Điều 290, Điều 302, điểm b Điều 318, Điều 342, Điều 344, Điều 348, Điều 349, Điều 350, Điều 355 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 49, Điều 50, Điều 51, Điều 52, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 59 Luật Tổ chức tín dụng; khoản 4 Điều 196 Luật doanh nghiệp năm 2014, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với Công ty D.

2. Buộc Công ty tr ách nhiệm hữu hạn D phải trả cho Ngân hàng N số tiền 1.651.918.125 đồng (*một tỷ, sáu trăm năm mốt triệu, chín trăm mười tám ngàn , một trăm hai lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 1.200.000.000 đồng nợ lãi 451.918.125 đồng tính đến ngày 25/9/2017.

3. Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại các Hợp đồng số 32H/2012/HĐTC, số 33H/2012/HĐTC và số 34H/2012/HĐTC ngày 26/6/2012 giữa Ngân hàng N chi nhánh huyện Q, tỉnh Quảng Bình với ông Hoàng Kim D, bà Nguyễn Thị Ph và Công ty trách nhiệm hữu hạn D để bảo đảm việc trả nợ.

4. Về án phí : Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn D phải chịu 61.557.543 đồng (*sáu mươi mốt triệu, năm trăm năm bảy ngày, năm trăm bốn ba đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm . Trả lại cho Ngân hàng N 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) tiền tạm ứng án phí tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000090 ngày 06/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

5. Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong nợ gốc, bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 3803 – LAV – 201401090 ngày 20/6/2014 ký kết giữa Ngân hàng N và Công ty trách nhiệm hữu hạn D, tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn , bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vụ án có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể ngày tuyên án 25/9/2017. Bà Nguyễn Thị Ph có quyền kháng cáo bản án trong hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án 25/9/2017.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa